

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/DS - PT

Ngày: 26/6/2020

V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Đỗ Anh Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2019/TLPT- DS ngày 09/12/2019 về việc "Tranh chấp thừa kế"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DSST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1958 (có mặt).

Trú tại: Tổ 16 (nay là tổ 11), phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1966 (có mặt)

Trú tại: Tổ 16 (nay là tổ 11), phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M: Bà Lưu Thúy H, luật sư văn phòng luật sư AT, đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị H, Sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: xóm QT, xã NH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên

2. Ông Lê Văn N, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 16 (nay là tổ 11), phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

3. Bà Lê Thị S, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm TY 2, xã QC, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

4. Ông Lê Văn T, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 16 (nay là tổ 11), phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

5. Bà Lê Thị M1, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 16 (nay là tổ 11), phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

6. Chị Cao Thị M4 P, sinh năm 1991 (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

7. Anh Cao Mạnh H2, sinh năm 1991 (có mặt)

Đều trú tại: Tổ 4, phường QV, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

8. Anh Lê Anh T1 (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 16 (nay là tổ 11), phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

9. Chị Lê Thị L, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4 MN, phường TM, quận NTL, thành phố Hà Nội

Anh T1 và chị L là con ông Lê Đức T2 (đã chết)

10. Chị Lê Thị Kim M2, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 16 (nay là tổ 11), phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Kim M2: ông Lưu Văn T3, sinh năm 1955 (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Tổ 23, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lê Thị Kim M2 và bà Lê Thị C: Ông Phạm Ngọc K luật sư văn phòng luật sư H2V, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

11. Ông Bùi Văn K1, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 16 (nay là tổ 11), phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Người làm chứng:

1. Bà Đặng Thị T4, sinh năm 1941 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 20, phường TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Ông Lê Xuân K2, sinh năm 1942 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đội 3 phố AB, phường AT, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày: Bố mẹ đẻ bà là ông Lê Văn R (chết năm 2000) và bà Lưu Thị M1 (chết năm 2007) ông bà sinh được 11 người con trong đó có 04 người đã chết là ông Lê Văn B chết năm 1988 (không có gia đình); Bà Lê Thị M3 chết năm 1995 bà M3 có chồng là ông Cao Văn P và hai con là Cao Mạnh H2 và Cao Thị M4 P; Bà Lê Thị L1 (chết năm 2004) không có chồng có 01 con gái là Lê Thị Kim M2; Ông Lê Đức T2 (chết năm 2005) có vợ là bà Lục Thị M4 và 02 con là Lê Anh T1 và Lê Thị L, 07 người còn sống là bà Lê Thị H sinh năm 1953, ông Lê Văn N sinh năm 1955, bà Lê Thị S sinh năm 1956, bà Lê Thị C sinh năm 1958, ông Lê Văn T sinh năm 1963, ông Lê Văn M sinh năm 1966 và bà Lê Thị M sinh năm 1967.

Quá trình chung sống bố mẹ bà khai hoang vỡ hóa được một diện tích đất ở và đất canh tác có tổng diện tích 6988m² toàn bộ quỹ đất nêu trên trước khi qua đời bố mẹ bà đã chia đất thổ cư cho các con chỉ còn để lại một phần đất thổ cư và căn nhà đang thờ cúng tổ tiên do cháu M2 (con bà L1) quản lý và sử dụng. Ngoài ra còn 2966m² đất ruộng chưa chia, cụ thể như sau:

Đối với phần đất thổ cư còn lại, trước khi qua đời mẹ bà là bà Lưu Thị M1 có để lại di chúc giao toàn bộ căn nhà một tầng xây dựng trên đất thổ cư 517,2m² tại thửa 315a bản đồ số 6, bản đồ địa chính phường QT cùng với phần đất ruộng và đất màu tổng là 2891m² gồm các thửa 312a tờ bản đồ số 6, diện tích 188m²; thửa 313a tờ bản đồ số 6, diện tích 236m²; Thửa 314 nay là thửa 24 tờ bản đồ 14 diện tích 496m²; Thửa 320 tờ bản đồ số 6, đất phần trăm diện tích 462m²; Thửa 321 tờ bản đồ số 6, diện tích 260m²; Thửa 328 tờ bản đồ số 6 nay là thửa 178 tờ bản đồ 11 có diện tích là 1299m² cho cháu ngoại Lê Thị Kim M2 quản lý và sử dụng.

Đối với 2966m² đất ruộng chưa chia tại các thửa: Thửa 255 tờ bản đồ số 6, diện tích 160m² đất ao, diện tích thực trạng 223,5m² tại cánh đồng làng đánh; Thửa đất 326 tờ bản đồ số 6 diện tích 192m² đất một lúa, diện tích thực trạng 224,3m² tại cánh đồng cây mảnh. Thửa đất số 143 tờ bản đồ số 3 trước đây nay là thửa 266 tờ bản đồ số 10 diện tích cũ 687m², diện tích mới 742m² 2 lúa, thực trạng 768,3m² tại cánh đồng Vực cốp. Thửa đất 213, 214 tờ bản đồ số 3 cũ bản đồ mới 11, nay là thửa 175 tờ bản đồ số 11 có diện tích 1118m² đất hai lúa thực trạng 1.136,7m² tại cánh đồng vực cốp, Thửa 44b và thửa 45a tờ bản đồ số 6 trước đây nay là thửa 249, tờ bản đồ số 10 có diện tích 598m², 2 lúa thực trạng 473,4m². Trước khi qua đời mẹ bà đã để lại cho bà là Lê Thị C, ông Lê Văn N và ông Lê Văn M tạm quyền quản lý và sử dụng để canh tác từ đó đến nay.

Năm 2012 ông M có đến nói với bà cho ông M mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất của ông M nhưng không được UBND thành phố Thái Nguyên chấp nhận vì không có biên bản họp gia đình. Từ đó đến nay ông M vẫn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Lê Văn R với toàn bộ diện tích đất này. Nay các thành viên trong gia đình phát sinh tranh chấp nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đối với phần đất ruộng chưa chia này để đảm bảo quyền lợi cho các thành viên trong gia đình.

Bị đơn là ông Lê Văn M trình bày: Ông là con trai út của cụ Lê Văn R và cụ Lưu Thị M1 (đều đã chết). Bố mẹ ông sinh được 11 người con như bà C khai là đúng, hiện nay đã chết 4 người còn sống 7 người như bà C khai. Từ khi sinh ra và lớn lên ông đều ở cùng với cha mẹ, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông đã chăm chỉ lao động kiếm tiền và đã tiết kiệm được một số tiền cộng với số tiền của phường cấp cho hộ nghèo ông đã xây được ngôi nhà mái bằng gác xép diện tích 70m² cho mẹ ông vào năm 2002. Đến khi xây dựng gia đình ông mới xây nhà ở cạnh nhà bà M1 để tiện chăm sóc mẹ lúc ốm đau. Năm 2006 mẹ ông chết.

Thời điểm còn sống mẹ ông đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông giữ, lúc ông xây nhà cho bà M1 vì trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này còn có liên quan đến đất ruộng thửa 213 và 214 của ông được bà M1 cho chưa tách được. Ông khẳng định tất cả các anh chị em đã được mẹ ông chia cho đất hiện nay chỉ còn 400m² đất thổ cư, đất % có 1 sào 10 thước; 1 ao 160m²; Đất phá hoang 1 sào 10 thước; Đất 2 lúa gồm: một thửa 3 sào 10 thước, 01 thửa 1 sào 5 thước và 01 thửa 01 sào.

Sau khi mẹ ông chết bà C đã bán cho ông Bùi Văn K1 40m² đất phía sau hết đất nhà anh T và hai thửa ruộng bố mẹ ông phá hoang có diện tích 1 sào 10 thước, mà không có sự họp bàn thống nhất của các anh em trong gia đình. Nay bà C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế ông yêu cầu Tòa án chia đều cả phần đất thổ cư, đất phần trăm, đất phá hoang, đất ao riêng của mẹ ông cho các con.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị M, ông Lê Văn N, bà Lê Thị Sinh, bà Lê Thị H trình bày: Các ông, bà là con của cụ Lê Văn R (mất năm 2000) và cụ Lưu Thị M1 (mất năm 2007). Cụ R và cụ M1 sinh được 11 người con như bà C khai là đúng, hiện nay đã chết 4 người còn sống 7 người quá trình chung sống ông bà có khai hoang được 6988m² đất. Toàn bộ quỹ đất trên trước khi qua đời bố mẹ đã chia đất thổ cư cho các con chỉ còn lại một phần đất thổ cư và căn nhà hiện bà C đang ở và 01 phần đất ruộng có tổng diện tích 2891m² cụ M1 đã viết di chúc cho cháu ngoại là Lê Thị Kim M2 toàn quyền quản lý và sử dụng. Ngoài ra còn 2966m² đất ruộng chưa chia hiện nay các anh chị em là con của cụ M1 và cụ R đang quản lý sử dụng. Nay phát sinh tranh chấp, đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật đối với phần đất ruộng chưa chia.

Chị Lê Thị Kim M2 trình bày: Chị là con gái bà Lê Thị L1 (chết năm 2004) là cháu ngoại của cụ Lê Văn R và cụ Lưu Thị M1, khi còn sống 2 cụ ở với mẹ chị và chị có trách nhiệm hương khói cho tổ tiên theo ý nguyện của ông bà. Quá trình chung sống ông bà ngoại chị khai hoang vỡ hóa được một diện tích đất ở và đất canh tác có tổng diện tích 6988m² toàn bộ quỹ đất nêu trên trước khi qua đời ông bà đã chia đất thổ cư cho các con chỉ còn để lại một phần đất thổ cư và căn nhà đang thờ cúng tổ tiên cho chị quản lý và sử dụng được thể hiện bằng di chúc viết vào ngày 10/11/2006 giao toàn bộ căn nhà một tầng xây dựng trên đất thổ cư 517,2m² tại thửa 315a bản đồ số 6, bản đồ địa chính phường QT cùng với phần đất ruộng và đất màu tổng là 2891m² gồm các thửa 312a tờ bản đồ số 6, diện tích 188m²; thửa 313a tờ bản đồ số 6, diện tích 236m²; Thửa 314 nay là thửa 24 tờ bản đồ 14 diện tích cũ 456m², mới 496m²; Thửa 320 tờ bản đồ số 6, đất phần trăm diện tích 462m²; Thửa 331 tờ bản đồ số 6, diện tích 260m²; Thửa 328 tờ bản đồ số 6 nay là thửa 178 tờ bản đồ 11 có diện tích là 1299m² cho chị quản lý và sử dụng đồng thời có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên. Năm 2008 gia đình đã họp bàn để chuyển giao tài sản nhưng do chưa hiểu về quy trình làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nên chị chưa chuyển được đất sang tên mình. Nay

các thành viên trong gia đình có tranh chấp, chỉ đề nghị Tòa án giải quyết theo di chúc đối với phần đất chỉ được hưởng.

Anh Lê Anh T1 trình bày: Anh là con của ông Lê Đức T2 (đã chết) và bà Lục Thị M4 và là cháu nội của cụ R cụ M1. Trước khi qua đời ông bà nội anh đã khai hoang được 6988m² đất. Toàn bộ quỹ đất trên trước khi qua đời ông bà đã chia cho các con chỉ còn lại một phần đất thổ cư và căn nhà bà C đang ở và 01 phần đất ruộng có tổng diện tích 2891m² cụ M1 đã viết di chúc cho cháu ngoại là Lê Thị Kim M2 con cô Lê Thị L1 (đã chết) toàn quyền quản lý và sử dụng và có trách nhiệm hương khói cho tổ tiên theo ý nguyện của ông bà. Hiện nay còn lại 2966m² đất ruộng chưa chia, đang phát sinh tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chị Cao Thị Mai P và anh Cao Mạnh H2 trình bày: Anh chị là con của ông Cao Văn P và bà Lê Thị M3 (mất năm 1995) và là cháu ngoại của cụ R, cụ M1. Trước khi qua đời ông bà đã khai hoang được 6988m² đất. Toàn bộ quỹ đất trên trước khi qua đời cụ Ri, cụ M1 đã chia cho các con chỉ còn lại một phần đất thổ cư và căn nhà bà Lê Thị C đang ở và 01 phần đất ruộng có tổng diện tích 2891m² cụ M1 đã viết di chúc để lại cho cháu ngoại là Lê Thị Kim M2 con cô Lê Thị L1 (đã chết) toàn quyền quản lý và sử dụng và có trách nhiệm hương khói cho tổ tiên theo ý nguyện của ông bà. Hiện nay còn lại 2966m² đất ruộng chưa chia, đang phát sinh tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ông Lê Văn T trình bày: Ông là con trai thứ 8 của cụ Lê Văn R và cụ Lưu Thị M1 (đều đã chết). Bố mẹ ông sinh được 11 người con như bà C khai là đúng, hiện nay đã chết 4 người còn sống 7 người. Lúc còn sống bố mẹ ông đã chia đất cho các con. Phần của ông sau khi được chia đất do kinh tế hạn hẹp nên ông chưa xây dựng gì mà vẫn để đất trống. Sau khi bố mẹ ông mất, bà C đã tự ý bán 40m² đất cho ông K1 hàng xóm mà mẹ ông đã nói cho ông, ông không được biết và không nhất trí. Vì việc bà C bán đất đã gây mất đoàn kết anh em trong gia đình nên hiện nay gia đình không thỏa thuận được việc phân chia di sản, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Bùi Văn K1 trình bày: Ngày 23/3/2009 bà Lê Thị C có bán cho ông 01 mảnh đất vườn tạp có diện tích 45m² vị trí đất liền kề phía sau đất nhà ông. Tứ cận như sau: phía bắc liền kề nương nước, phía đông giáp đất ông M, phía tây giáp đất nhà bà M2 với giá 10.000.000đ. Khi bán cho ông đất đó vẫn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Lê Văn R và cụ Lê Thị M nhưng bà C nói đất này bố mẹ bà đã chia cho bà nên ông đã đồng ý mua và thiết lập giấy mua bán đất có sự chứng kiến của ông tổ trưởng tổ dân phố số 16, phường QT, thành phố TN, ông đã trả đủ tiền cho bà C. Nhưng kể từ khi mua bán xong đến nay, ông đã nhiều lần yêu cầu bà C làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên theo quy định của pháp luật nhưng bà C chưa làm được. Nay Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu chia thừa kế của của con ông R, bà M1. Đề

ngợi Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

Những người làm chứng:

Bà Đặng Thị T4 trình bày: Ngày 10/11/2006 bà có lên thăm bà Lưu Thị M1 là chị dâu trú tại tổ 16, phường QT, thành phố Thái Nguyên. Anh chị bà sinh được 11 người con trong đó 4 người đã chết còn sống 7 người. Khi còn sống ông R bà M1 đã chia đất hết cho các con. Chỉ còn lại phần đất hiện nay cháu M2 đang ở và canh tác. Ngày 10/11/2006 cụ M1 đã viết di chúc để lại toàn bộ tài sản gồm một căn nhà 01 tầng xây dựng trên đất thổ cư có diện tích 517,2m² tại thửa 315a bản đồ số 6, bản đồ địa chính phường QT cùng với phần đất ruộng và đất màu tổng là 2891m² gồm các thửa 312a tờ bản đồ số 6, diện tích 188m²; thửa 313a tờ bản đồ số 6, diện tích 236m²; Thửa 314 nay là thửa 24 tờ bản đồ 14 diện tích 496m²; Thửa 320 tờ bản đồ số 6, đất phần trăm diện tích 462m²; Thửa 321 tờ bản đồ số 6, diện tích 260m²; Thửa 328 tờ bản đồ số 6 nay là thửa 178 tờ bản đồ 11 có diện tích là 1299m² cho cháu M2 quản lý và sử dụng đồng thời có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên do khi còn sống bà M1 đã ở cùng với bà Lê Thị L1 (đã chết năm 2004) là mẹ cháu M2. Khi bà M1 lập di chúc hoàn toàn M2 miễn tình tảo có sự chứng kiến của bà và ông Lê Xuân K2 (em trai ông R).

Ông Lê Xuân K2 trình bày: Ông là em của ông Lê Văn R em chú của bà Lưu Thị M1, ngày 10/11/2006 ông có lên thăm chị dâu là bà Lưu Thị M1, bà M1 sinh được 11 người con, bốn người con đã chết, còn bảy người còn sống, có 2 người đi lấy chồng, còn lại năm người con đã được chia đất và có sổ chứng nhận quyền sử dụng đất, bà M1 ở với con gái là Lê Thị L1 và cháu ngoại là Lê Thị Kim M2, con gái chị dâu ông là Lê Thị L1 không may mắc bệnh đã chết do đó bà M1 ở với cháu ngoại là Lê Thị Kim M2, lúc này do bà M1 tuổi cao sức yếu nên bà M1 có ý nguyện sau này chết sẽ để lại toàn bộ nhà cửa ruộng vườn cho cháu ngoại là Lê Thị Kim M2 quản lý và thờ cúng, vì vậy ông và em cô là bà Đặng Thị T4 đã ký làm chứng trong bản di chúc mà bà M1 đã lập vào ngày 10/11/2006.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DSST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 217 Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 631, 632, 633, 635, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 656, 668, 674, 675, 676, 677 Bộ Luật dân sự năm 2005, Điều 634 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH ngày 27/2/2009, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim M2 về việc chia di sản thừa kế theo di chúc. Chị Lê Thị Kim M2 được hưởng tài sản thừa kế của cụ Lưu Thị M1 như sau: Thửa cũ 315a, tờ bản đồ số 6, diện tích 517,2m² là đất thổ cư trên diện tích đất có ngôi nhà xây năm 2005 mái đổ bê tông cốt thép nền láng xi măng và 01 bếp xây dựng năm 2012 mái lợp xi măng trần nhựa nền láng xi

măng thuộc tổ 16, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Thửa 312a, tờ bản đồ số 6 diện tích 188 đất màu, số thửa 313a bản đồ số 6 diện tích 236 m², Thửa 314 bản đồ số 6, thửa mới 24 diện tích 496m² đất màu, số thửa 320 bản đồ số 6 diện tích 462m², 1 lúa đất % tại cánh đồng cây mánh, thửa 321 tờ bản đồ số 6 diện tích 260 m² đất 1 lúa, số thửa 328 tờ bản đồ 6 thửa mới 187 diện tích mới 1299m² đất 2 lúa tại cánh đồng vực hóp sâu nước đều có địa chỉ tổ 16, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Tổng giá trị tài sản là 116.881.051đ (Một trăm mười sáu triệu, tám trăm tám mươi nghìn không trăm năm mươi đồng).

Các diện tích trên đều có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn R do Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên cấp ngày 11/7/1994.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C về việc chia di sản của cụ Lưu Thị M1 và cụ Lê Văn R theo pháp luật cụ thể như sau:

Thửa 255 tờ bản đồ số 6 (cũ), diện tích 160m² ao, diện tích thực trạng 223,5m² tại cánh đồng Làng Đanh. Thửa 213, 214 tờ bản đồ cũ 3, bản đồ mới 11, số thửa mới 175 diện tích cũ 564,400 diện tích mới 1.118 m² đất 2 lúa diện tích thực trạng 1.136,7m² tại cánh đồng Làng Đanh và Vực Cóp. Tổng diện tích 1.360,2m² được chia cho 4 người như sau: ông Lê Văn N, ông Lê Văn T, ông Lê Văn M mỗi người được quyền sở hữu và sử dụng 340m² đất ruộng và ông Lê Anh T1, bà Lê Thị L cùng được quyền sở hữu và sử dụng 340,2m² đất ruộng

Các diện tích còn lại gồm:

Thửa 326 tờ bản đồ số 6 diện tích cũ 192m² đất 1 lúa, diện tích thực trạng 224,3m² tại cánh đồng Cây mánh. Thửa 45a, tờ bản đồ số 6, diện tích 156m², 2 lúa, thực trạng 156m² tại cánh đồng Vực hóp. Thửa 243 cũ và 226 mới tờ bản đồ số 3, diện tích cũ 678m², diện tích mới 742m², 2 lúa, thực trạng 768,3m² tại cánh đồng vực Hóp. Thửa 44b cũ, tờ bản đồ 6 (cũ) mới là 10, số thửa 249, diện tích cũ 440, mới 598m², 2 lúa thực trạng 473,4m² tại cánh đồng Chênh lòng. Tổng diện tích là 1.622m² (Một nghìn sáu trăm hai mươi hai mét vuông), diện tích này được chia đều cho những người còn lại đó là: bà Lê Thị H, bà Lê Thị S, bà Lê Thị C, bà Lê Thị M1, chị Cao Thị M4 P, anh Cao Mạnh H2 mỗi người được quyền sử dụng và quản lý 324,2m² đất ruộng. Diện tích này đều có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn R do Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên cấp ngày 11/7/1994.

Các đương sự có tên trên có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị C phải có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Bùi Văn K1.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn N, ông Lê Văn M, ông Lê Văn T, bà Lê Thị C, bà Lê Thị H, bà Lê Thị S, bà Lê Thị M, anh Lê Anh T1, chị Lê Thị L, anh Cao Mạnh H2, chị

Cao Thị M4 P mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Bà Lê Thị C được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003754 ngày 06/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Chị Lê Thị Kim M2 phải nộp số tiền là 5.844.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch nộp ngân sách nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu số 0005117 ngày 15/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, chị M2 phải nộp 5.544.000đồng (Năm triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/5/2019 ông M, ông T làm đơn kháng cáo không nhất trí với bản án với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không điều tra xác minh di sản của bố mẹ ông để lại mà căn cứ vào di chúc không hợp pháp và chia di sản thừa kế theo pháp luật cả phần tài sản bố mẹ đã chia cho các con khi còn sống gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của hai ông và anh em trong gia đình ông, đề nghị Tòa án tỉnh Thái Nguyên hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 09/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên có quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS –DS đối với bản án số 17/2019/DSST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên với các lý do: Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên vi phạm tố tụng về phạm vi giải quyết vụ án, việc giải quyết vụ án đưa thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, việc xác minh thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm trong việc áp dụng pháp luật xác định di chúc hợp pháp không đúng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông M, ông T vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên vẫn giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 thể hiện cụ R và cụ M1 có tài sản gồm: 6988m² đất, trong đó có 1076m² đất thổ cư là thửa 315A tờ bản đồ số 6, 602m² đất ao còn lại là đất ruộng, hiện nay trên thửa đất 315A ông M đang sử dụng 1 phần, bà C đang sử dụng 1 phần, chị M2 có chồng là anh Nguyễn Văn P đang sử dụng 1 phần, ông K1 đang sử dụng 1 phần, trên phần đất các đương sự đang sử dụng đều có tài sản. Tại phiên tòa bà C và ông M đều khai phần đất anh M và bà C đang sử dụng do bố mẹ cho, phần đất ông K1 đang sử dụng do bà C chuyển nhượng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu

chứng cứ làm rõ phần tài sản nào cụ R và cụ M1 đã cho các con, chưa xác định di sản của cụ R và cụ M1 còn có những tài sản nào để phân chia thừa kế là thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng như anh P chồng chị M2 cũng sinh sống trên mảnh đất của cụ R nhưng không làm rõ có tài sản và công sức gì làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự, ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm có đưa ông K1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không hướng dẫn cho ông K1 làm đơn yêu cầu độc lập là vi phạm Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, nên cấp phúc thẩm không xem xét về nội dung. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự cần phải hủy bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DSST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, giao hồ sơ về Tòa án thành phố Thái Nguyên giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng nhưng không lớn đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận kháng cáo của ông M, ông T và kháng nghị của Viện kiểm sát thành phố Thái Nguyên, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DSST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên giải quyết lại vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên và kháng cáo của ông Lê Văn M, ông Lê Văn T, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DSST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông M, ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại ông Lê Văn M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm

theo biên lai thu số 0001737 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, trả lại ông Lê Văn T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001736 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP. Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Liên